

Số: 831/QĐ-ĐHHT

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ
của Trường Đại học Hà Tĩnh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hà Tĩnh;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Tĩnh, ban hành theo Quyết định số: 1328/QĐ-TĐHHT, ngày 07/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-VPQH ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Hà Tĩnh.

Điều 2. Trưởng phòng Quản lý khoa học, Trưởng các đơn vị và cá nhân thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT. *h*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đoàn Hoài Sơn

QUY ĐỊNH

Về quản lý sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 831/QĐ-TĐHHT ngày 22 tháng 11 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định chi tiết về việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, khai thác và quản lý tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của Trường Đại học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là Trường hoặc Nhà trường).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân là công chức, viên chức, người lao động, người học của Trường Đại học Hà Tĩnh và tập thể, cá nhân ngoài Trường có liên quan tới việc tạo ra hoặc khai thác tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Nhà trường, gồm các đối tượng sau:

1. Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh được mã hoá.

2. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.

3. Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

2. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

3. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

4. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

5. *Quyền đối với giống cây trồng* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

6. *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ* là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

7. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

8. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

9. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

10. *Sao chép* là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.

11. *Phát sóng* là việc truyền âm thanh hoặc hình ảnh hoặc cả âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến hoặc hữu tuyến, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh để công chúng có thể tiếp nhận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.

12. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

13. *Mạch tích hợp bán dẫn* là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các môi liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

14. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

15. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.

Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

16. *Chỉ dẫn địa lý* là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

17. *Giống cây trồng* là quần thể cây trồng thuộc cùng một cấp phân loại thực vật thấp nhất, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống, có thể nhận biết được bằng sự biểu hiện các tính trạng do kiểu gen hoặc sự phối hợp của các kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng di truyền được.

18. *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

19. *Vật liệu nhân giống* là cây hoặc bộ phận của cây có khả năng phát triển thành một cây mới dùng để nhân giống hoặc để gieo trồng.

20. *Vật liệu thu hoạch* là cây hoặc bộ phận của cây thu được từ việc gieo trồng vật liệu nhân giống.

Điều 4. Mục tiêu quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

Quản lý của hoạt động sở hữu trí tuệ ở Trường Đại học Hà Tĩnh nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ tài sản trí tuệ của cán bộ giảng viên, sinh viên và của Nhà trường.

Chương II XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 5. Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ

1. Trường Đại học Hà Tĩnh là chủ sở hữu các quyền sở hữu trí tuệ của tài sản trí tuệ được tạo ra do tổ chức, cá nhân thuộc Trường sáng tạo ra từ một trong các yếu tố sau:

a) Sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác thông qua Nhà trường hoặc từ kinh phí của Nhà trường;

b) Sử dụng thời gian hành chính, cơ sở vật chất của Nhà trường;

c) Nhà trường giao nhiệm vụ thực hiện;

d) Nhà trường ký hợp đồng tạo ra sản phẩm.

2. Trường Đại học Hà Tĩnh là chủ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình làm việc theo hợp đồng làm việc với cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng trừ trường hợp có thoả thuận khác.

3. Trường Đại học Hà Tĩnh là tổ chức đại diện nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý từ Nhà nước nếu sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được sản xuất trong phạm vi lãnh thổ mà Nhà trường được giao đất.

4. Trường Đại học Hà Tĩnh là đồng chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ với tổ chức, cá nhân khác trong trường hợp có thoả thuận cụ thể.

Điều 6. Quyền tác giả, quyền liên quan

1. Nhà trường có quyền tác giả đối với sản phẩm trí tuệ quy định tại Điều 5 của Quy định này bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

a) Quyền nhân thân:

- Đặt tên cho tác phẩm;

- Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;

- Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

- Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

b) Quyền tài sản:

- Làm tác phẩm phái sinh; sao chép tác phẩm; phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao ấn phẩm; chuyển giao sản phẩm; cho thuê bản gốc hoặc bản sao ấn phẩm;

- Quyền tài sản của tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là quyền nhận thù lao theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Quyền của Chủ sở hữu quyền tác giả

a) Các quyền quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này do Nhà trường độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Nhà trường cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản, hoặc công bố sản phẩm sau khi xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác;

c) Nhà trường có quyền ngăn cấm người khác sử dụng tài sản trí tuệ của Nhà trường theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ;

Điều 7. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao

1. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:

a) TỰ sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân;

b) Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình;

c) Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu;

d) Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại;

đ) Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu;

e) Biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền cổ động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào;

g) Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy;

h) Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó;

i) Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;

k) Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm quy định tại Khoản 1 Điều này không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.

3. Các quy định tại Điểm a và Điểm đ Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình, chương trình máy tính.

Điều 8. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao

1. Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố để phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép, nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả kể từ khi sử dụng. Mức nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác và phương thức thanh toán do các bên thoả thuận; trường hợp không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc khởi kiện tại Toà án theo quy định của pháp luật.

Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố để phát sóng không có tài trợ, quảng cáo hoặc không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép, nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả kể từ khi sử dụng theo quy định của Chính phủ.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều này không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.

Điều 9. Hành vi xâm phạm quyền tác giả

1. Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

2. Mạo danh tác giả.

3. Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả, đồng tác giả trong trường hợp có đồng tác giả.

4. Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả.

5. Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền (trừ trường hợp có quy định khác).

6. Làm tác phẩm phái sinh nhưng không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm đ Khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

7. Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ thể quyền, không trả nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất trừ trường hợp quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

8. Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả, hoặc chủ sở hữu quyền tác giả.

9. Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông hoặc các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

10. Xuất bản tác phẩm không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

11. Cố ý huỷ bỏ, làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền thực hiện để bảo vệ quyền.

12. Cố ý xoá bỏ, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm.

13. Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu biện pháp kỹ thuật để bảo vệ quyền của tác giả đối với tác phẩm của mình.

14. Làm và bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo.

15. Xuất khẩu, nhập khẩu bản sao tác phẩm mà không được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép.

Điều 10. Nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ và tên sản phẩm của Nhà trường

Nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ bắt buộc phải có các thành phần:

a) Logo của Trường Đại học Hà Tĩnh: phải thiết kế đúng chuẩn logo về các đường viền, màu sắc và nội dung trên logo.

b) Phần nội dung nhãn hiệu:

- Hình họa hoặc ký hiệu cho sản phẩm;

- Tên của đơn vị tạo sản phẩm;

- Tên tiếng Việt và tên viết tắt tiếng Anh của Trường Đại học Hà Tĩnh.

Chương III

KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SẢN PHẨM TRÍ TUỆ

Điều 11. Khai thác, thương mại hóa và sử dụng sản phẩm trí tuệ của Nhà trường

Nhà trường cùng với tác giả tìm các biện pháp để khai thác sử dụng hiệu quả sản phẩm trí tuệ. Nhà trường phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tác giả có thể triển khai ứng dụng hoặc thương mại hóa các sản phẩm trí tuệ.

1. Nhà trường sẽ lập Hội đồng đánh giá khả năng thương mại hóa của sản phẩm nghiên cứu.

2. Nhà trường và nhóm nghiên cứu sẽ tìm đối tác để chuyển giao. Nhà trường cùng nhóm nghiên cứu kết hợp với các nhà khoa học, sở ban ngành, công ty bên ngoài... để quảng bá sản phẩm nghiên cứu thông qua các cuộc hội thảo, triển lãm, các phương tiện truyền thông...

Điều 12. Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả

1. Khi chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả, Nhà trường cùng tác giả cùng thương thảo với bên nhận chuyển nhượng nội dung, phương pháp, phạm vi và giá cả.

Tác giả sản phẩm không được tự ý chuyển nhượng khi chưa được Nhà trường đồng ý bằng văn bản, hoặc không có đại diện Nhà trường thương thảo với bên nhận chuyển nhượng.

2. Chuyển nhượng quyền tác giả/quyền sáng chế là việc Nhà trường chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền công bố tác phẩm, các quyền tài sản tại Điều 6 của quy định này cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

Khi việc chuyển nhượng được tiến hành thành công, Nhà trường không còn quyền đối với sản phẩm trí tuệ đã chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng trở thành chủ sở hữu đối với sản phẩm đó.

3. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả không độc quyền là việc Nhà trường cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn và trong phạm vi nhất định một, một số hoặc toàn bộ các quyền tác giả, quyền tài sản.

4. Tác giả không được chuyển quyền sử dụng các quyền nhân thân, trừ quyền công bố tác phẩm.

5. Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả được lập thành văn bản gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên và địa chỉ đầy đủ của mỗi bên;
- b) Căn cứ chuyển nhượng;
- c) Phạm vi chuyển quyền;
- d) Giá, phương thức thanh toán;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt, huỷ bỏ hợp đồng được áp dụng theo quy định của Luật dân sự.

6. Giá chuyển nhượng phải tính đủ các yếu tố

- Chi phí đầu tư cho việc nghiên cứu trước;

- Chi phí đăng ký và duy trì hiệu lực của bảo hộ sở hữu trí tuệ;
- Chi phí quản lý nghiên cứu;
- Chi phí nộp thuế nhà nước.

Điều 13. Phân chia lợi nhuận sản phẩm trí tuệ của Nhà trường

Tùy từng loại sản phẩm trí tuệ khi được thương mại hoá, sau khi trừ những chi phí cần thiết, hợp lệ được phân bổ sau:

1. Sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng kinh phí của ngân sách Nhà nước, sau khi được nghiệm thu và được bán: 40% nộp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, 30% nộp quỹ khoa học công nghệ của Nhà trường, 30% dùng để khen thưởng tác giả trực tiếp thực hiện dự án, đề tài.

2. Các sản phẩm đề tài khoa học công nghệ khác có khả năng ứng dụng vào sản xuất tại địa phương, doanh nghiệp: tác giả 40%, đơn vị chủ trì 20%, quỹ khoa học công nghệ của Nhà trường 40%.

3. Các sản phẩm trí tuệ thuộc sở hữu công nghiệp như Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bản quyền tác giả, Nhãn hiệu hàng hóa, Kiểu dáng công nghiệp, Bảo hộ giống cây trồng:

a) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng dưới 100 triệu đồng: tác giả 60%, đơn vị chủ trì 15%, quỹ khoa học công nghệ của Nhà trường 25%.

b) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng từ 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng: tác giả 55%, đơn vị chủ trì 15%, quỹ khoa học công nghệ của Nhà trường 30%.

c) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng trên 1 tỷ đồng: tác giả 50%, đơn vị chủ trì 15%, quỹ khoa học công nghệ của Nhà trường 35%.

4. Các trường hợp phát sinh khác sẽ tùy theo thỏa thuận giữa các bên.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Điều 14. Tổ chức và cá nhân chịu trách nhiệm quản lý sản phẩm trí tuệ của Nhà trường

Tổ chức và cá nhân được Trường Đại học Hà Tĩnh thành lập và giao quyền quản lý, khai thác tài sản trí tuệ của Nhà trường.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức quản lý và khai thác sản phẩm trí tuệ của Nhà trường

1. Đánh giá các sáng chế của Nhà trường.
2. Thực hiện tra cứu sơ bộ các cơ sở dữ liệu sáng chế.
3. Quyết định nộp đơn và thực hiện nộp đơn đăng ký văn bằng bảo hộ.

4. Quyết định về việc tiếp tục duy trì hiệu lực của văn bằng bảo hộ.
5. Triển khai thông tin kêu gọi các cá nhân, tổ chức tham gia khai thác tài sản trí tuệ của Nhà trường.
6. Đàm phán các hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.
7. Kiểm soát và phân phối thu nhập.

Điều 16. Quy trình và thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ

Khi tác giả có tác phẩm cần làm thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ (cấp Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu hiệu, Nhãn hiệu hàng hoá, Kiểu dáng công nghiệp theo hướng dẫn của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ; cấp Bảo hộ giống cây trồng theo hướng dẫn của Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cấp Bản quyền tác giả đối với các ấn phẩm theo hướng dẫn của Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hoá - Thông tin). Nhà trường và tác giả phải nộp phí, lệ phí khi tiến hành các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan, theo tỷ lệ Nhà trường 50%, tác giả 50%.

Quy trình và thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ:

1. Tác giả khai đơn theo mẫu, hướng dẫn của Phòng Quản lý khoa học (QLKH).
2. Nộp đơn và lệ phí tại Phòng QLKH.
3. Phòng QLKH nộp đơn và lệ phí tại Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Cục Bản quyền tác giả.
4. Nếu đơn phải sửa chữa, Phòng QLKH liên hệ với tác giả để sửa chữa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có công văn yêu cầu sửa chữa của Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Cục Bản quyền tác giả.
5. Khi có thông báo kết quả xét đơn (công nhận hoặc không), Phòng QLKH gửi ngay thông báo cho tác giả.
6. Khi có Bằng chứng nhận, phòng QLKH lưu bản copy, gửi tác giả bản chính.

Điều 17. Trách nhiệm quản lý sản phẩm trí tuệ của Nhà trường

1. Nhà trường, tác giả có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Nội dung quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của Nhà trường

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển các sản phẩm trí tuệ;

b) Xây dựng, sửa đổi, ban hành và tổ chức thực hiện Quy định về sở hữu trí tuệ của Nhà trường; thực hiện các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ của Nhà nước;

c) Tổ chức bộ phận quản lý về sở hữu trí tuệ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về sở hữu trí tuệ;

d) Đăng ký cấp và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp, Bằng bảo hộ giống cây trồng của Nhà trường;

đ) Xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng nhượng quyền sử dụng các sản phẩm trí tuệ;

e) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ;

g) Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về sở hữu trí tuệ;

h) Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ;

i) Hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ.

Nhà trường giao cho Phòng QLKH chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các nhiệm vụ trên.

3. Trách nhiệm quản lý sở hữu trí tuệ của các khoa, bộ môn, trung tâm và các phòng ban

a) Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và thời gian cho cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng nghiên cứu sáng tạo ra sản phẩm trí tuệ;

b) Triển khai thực hiện các văn bản quản lý về sở hữu trí tuệ của Nhà nước và Nhà trường. Báo cáo Ban Giám hiệu kết quả hoạt động sáng tạo sản phẩm trí tuệ thông qua Phòng QLKH;

c) Kiểm tra, đôn đốc tác giả của sản phẩm trí tuệ thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với Nhà trường;

d) Tham gia cùng với Nhà trường xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng nhượng quyền sử dụng sản phẩm trí tuệ.

4. Trách nhiệm của tác giả

a) Thực hiện đầy đủ các quy định, chính sách về sở hữu trí tuệ của Nhà nước và Nhà trường, các cam kết, thoả thuận với Nhà trường;

b) Tham gia cùng với Nhà trường xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng nhượng quyền sử dụng sản phẩm trí tuệ;

c) Yêu cầu Nhà trường xử lý và giải quyết các xung đột về quyền lợi quyền tác giả.

Điều 18. Biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác thì tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm, có thể bị xử lý bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự.

2. Trong trường hợp cần thiết, Nhà trường sẽ yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm phổ biến nội dung Quy chế này đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động và người học của đơn vị biết để thực hiện.

2. Phòng QLKH là đơn vị chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng nội dung quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Đoàn Hoài Sơn